

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/2007/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
về việc ban hành Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng
và tài nguyên than

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản, Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên than.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Quyết định này thay thế Quyết định số 49/QĐHD ngày 19 tháng 5 năm 1975 của Chủ tịch Hội đồng Xét duyệt trữ lượng khoáng sản.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Phạm Khôi Nguyên

QUY ĐỊNH**về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên than***(ban hành kèm theo Quyết định số 25/2007/QĐ-BTNMT**ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)***Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định công tác thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên than.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; tổ chức thực hiện công tác điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản; tổ chức, cá nhân khảo sát, thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Than là khoáng sản rắn, có nguồn gốc trầm tích, được hình thành trong quá trình than hóa (carbon hóa) các tàn dư thực vật, có thành phần là các chất hữu cơ, các chất khoáng và độ ẩm.

2. Than nâu bao gồm lignit và á bitum, là than biến chất thấp có thành phần acid và màu nâu, được tạo thành chủ yếu từ vật chất mùn và bitum.

3. Than đá còn được gọi là than bitum là than biến chất trung bình, đặc trưng bởi sự carbon hóa đến mức trong chúng không còn vật chất acid, thường có khả năng thiêu kết.

4. Antracit bao gồm siêu antracit, antracit và bán antracit, là loại than biến chất cao, có màu đen, đen xám, ánh kim loại phốt vàng.

5. Bể than là diện tích phân bố các trầm tích chứa than có các điều kiện thành tạo và phát triển địa chất chung trong một thời kỳ địa chất nhất định. Trong phạm vi bể than dựa vào đặc điểm địa chất - kinh tế mà chia ra các vùng than, mỏ than, phân khu mỏ than.

6. Vùng than là một phần của bể than được phân định quy ước chủ yếu theo yếu tố địa lý và các yếu tố địa chất.

7. Mỏ than là đơn vị không gian chứa than, có cấu trúc tương đối đồng nhất, tập trung các trầm tích chứa than có quan hệ tương đối chặt chẽ, tương đồng về hình thái, nguồn gốc, cấu trúc - kiến tạo, điều kiện kỹ thuật khai thác và đặc điểm kinh tế địa chất mỏ.

8. Phân khu mỏ than là một phần của

mỏ than, được khoan định bởi yêu cầu thăm dò địa chất hoặc yêu cầu thiết kế khai thác mỏ.

9. Vía than là một thể địa chất độc lập về tổ chức vật chất tích tụ than và đá kẹp, chiếm vị trí không gian nhất định trong các trầm tích chứa than.

10. Đá trụ là lớp đá nằm dưới vía than trong địa tầng, trầm tích trước than.

11. Đá vách là lớp đá nằm trên vía than trong địa tầng, trầm tích sau than.

12. Phân vía than là một phần của vía than được phân tách ra do điều kiện thành tạo.

13. Lớp than là đơn vị không gian chứa than nhỏ nhất tạo nên vía than, gồm toàn vật chất than và các chất vô cơ lẫn trong than không thể tách ra khỏi lớp than, được thành tạo từ các vật liệu ban đầu tạo than, tích tụ và biến đổi thành than trong cùng môi trường địa chất.

14. Đá kẹp là các loại đá nằm kẹp trong vía than, phân vía than, có độ tro khô (A^d) lớn hơn độ tro tối đa của chỉ tiêu tính trữ lượng, tài nguyên than.

Chương II

PHÂN CẤP TRỮ LƯỢNG VÀ TÀI NGUYÊN THAN

Điều 4. Phân nhóm trữ lượng và tài nguyên than

1. Tài nguyên than được phân làm hai nhóm:

- Nhóm tài nguyên than xác định;
- Nhóm tài nguyên than dự báo.

2. Nhóm tài nguyên than xác định được phân thành hai loại: trữ lượng và tài nguyên.

Điều 5. Phân cấp trữ lượng và tài nguyên than

1. Cơ sở phân cấp trữ lượng và tài nguyên than

a) Mức độ nghiên cứu địa chất, bao gồm: chắc chắn, tin cậy, dự tính và dự báo;

b) Mức độ nghiên cứu đầu tư xây dựng công trình mỏ, bao gồm: dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ (nghiên cứu khả thi), báo cáo đầu tư xây dựng công trình mỏ (nghiên cứu tiền khả thi) và nghiên cứu khái quát;

c) Mức độ hiệu quả kinh tế, bao gồm: có hiệu quả kinh tế, có tiềm năng hiệu quả kinh tế và chưa rõ hiệu quả kinh tế.

2. Phân cấp trữ lượng và tài nguyên than

a) Trữ lượng than được phân thành ba cấp: 111, 121 và 122;

b) Tài nguyên than được phân thành sáu cấp: 211, 221, 222, 331, 332 và 333;

c) Tài nguyên than dự báo được phân thành hai cấp: 334a và 334b.

3. Cấp trữ lượng và tài nguyên than được mã hóa như sau:

a) Chữ số đầu thể hiện mức độ hiệu quả kinh tế: số 1 - có hiệu quả kinh tế; số 2 - có tiềm năng hiệu quả kinh tế; số 3 - chưa rõ hiệu quả kinh tế;

b) Chữ số thứ hai thể hiện mức độ nghiên cứu đầu tư xây dựng công trình mỏ: số 1 - dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ; số 2 - báo cáo đầu tư xây dựng công trình mỏ; số 3 - nghiên cứu khái quát;

c) Chữ số thứ ba thể hiện mức độ tin cậy nghiên cứu địa chất: số 1 - chắc chắn; số 2 - tin cậy; số 3 - dự tính; số 4 - dự báo. Đối với mức dự báo phân thành hai phụ mức: suy đoán (ký hiệu là a) và phỏng đoán (ký hiệu là b).

Điều 6. Yêu cầu về mức độ nghiên cứu và khoanh nổi cấp trữ lượng 111

1. Yêu cầu về mức độ nghiên cứu địa chất

a) Phải xác định đầy đủ mức độ ổn định và quy luật biến đổi chiều dày, cấu tạo vỉa than, điều kiện thể nằm và hình dạng vỉa, đảm bảo chỉ có một phương án duy nhất về cấu tạo và khoanh nổi vỉa;

b) Các thông số cơ bản để tính trữ lượng như cấu tạo vỉa, các chỉ số cơ bản về chất lượng than phải được xác định trên các số liệu mang tính đại diện; sự

biến đổi chiều dày vỉa và chất lượng than tại các điểm cắt vỉa không được vượt quá giới hạn của các thông số chỉ tiêu tương ứng;

c) Đặc điểm kiến tạo phải được nghiên cứu tới mức khẳng định chắc chắn kiểu cấu trúc và các yếu tố thể nằm của vỉa, các phá hủy đứt gãy;

d) Đặc điểm chất lượng và tính chất công nghệ của than phải được nghiên cứu đến mức đủ lý giải được mối quan hệ và sự phân bố trong không gian của các loại than khác nhau về đặc điểm tự nhiên, nhãn hiệu, độ tro, hàm lượng lưu huỳnh, mức độ bị phong hóa;

đ) Các yếu tố tự nhiên quyết định điều kiện khai thác mỏ như đặc điểm địa chất thủy văn, đặc điểm địa chất công trình, độ chứa khí mỏ, điều kiện địa chất làm cơ sở quyết định lựa chọn công nghệ khai thác mỏ phải được nghiên cứu chi tiết, đáp ứng yêu cầu của thiết kế khai thác; các yếu tố ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái phải được nghiên cứu theo các quy định hiện hành;

e) Mức độ tin cậy của trữ lượng đảm bảo tối thiểu là 80%.

2. Yêu cầu về khoanh nổi ranh giới tính trữ lượng

a) Ranh giới tính trữ lượng phải được khoanh nổi theo các lỗ khoan hoặc các công trình khai đào đạt chỉ tiêu tính trữ

lượng. Tùy thuộc vào mức độ phức tạp về cấu tạo địa chất và tính ổn định về chiều dày của vỉa, khoảng cách giữa các công trình trong phạm vi một yếu tố cấu tạo (cánh nếp uốn, khối kiến tạo không chế bởi các đứt gãy) có thể dao động, nhưng không được vượt quá giá trị lớn nhất quy định tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 kèm theo Quy định này;

b) Đối với các vỉa ổn định về chiều dày và chất lượng thuộc mỏ nhóm mỏ I, trữ lượng cấp 111 được phép ngoại suy theo hướng cấm từ điểm công trình cắt vỉa đạt chỉ tiêu tính trữ lượng đến chiều sâu tương ứng với một tầng khai thác;

c) Đối với các mỏ có cấu tạo đơn giản, có ít hoặc không có đứt gãy, các vỉa ổn định về chiều dày, chất lượng, thế nằm, cho phép xê dịch có giới hạn ranh giới khối tính trữ lượng ra ngoài vị trí công trình để trùng với đường đẳng cao trụ (vách) của vỉa hoặc trùng với các tầng khai thác;

d) Không được phép xếp phần trữ lượng thuộc các khối riêng lẻ và các khối có hình dạng dài, góc nhọn nhỏ hơn hoặc bằng 30° vào trữ lượng cấp 111.

3. Yêu cầu về mức độ nghiên cứu đầu tư xây dựng công trình mỏ

a) Đã lập dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến than;

b) Đã lựa chọn được giải pháp kỹ thuật, công nghệ khai thác mỏ và chế biến than hợp lý;

c) Diện tích nghiên cứu đầu tư xây dựng công trình mỏ không nằm trong khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; hoạt động khai thác và chế biến than trong ranh giới cấp trữ lượng không ảnh hưởng đến môi trường sinh thái xung quanh hoặc đã lựa chọn được giải pháp khắc phục và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của khai thác, chế biến than đến môi trường sinh thái.

4. Yêu cầu về hiệu quả kinh tế

Kết quả nghiên cứu đầu tư xây dựng công trình mỏ đã chứng minh việc khai thác và chế biến than ở mỏ là có hiệu quả kinh tế vào thời điểm đánh giá.

Điều 7. Yêu cầu về mức độ nghiên cứu và khoan nôi cấp trữ lượng 121

1. Yêu cầu về mức độ nghiên cứu địa chất thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy định này.

2. Yêu cầu về khoan nôi ranh giới tính trữ lượng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này.

3. Yêu cầu về mức độ nghiên cứu đầu tư xây dựng công trình mỏ

a) Đã lập báo cáo đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến than hoặc có chỉ tiêu tính trữ lượng đã được